

thống thu gom nước thải của bên C được chia theo tỉ lệ % tiền xử lý nước thải của các doanh nghiệp đã trả trong thời gian tích lũy bùn thải trên tổng số tiền xử lý nước thải tích lũy trong thời gian đó của tất cả doanh nghiệp.

每个月或两个月，丙方通知污泥处理公司至污水厂载运污泥至合法场所进行处理，以实际载运的污泥压干后的数量，向所有共同排放至丙方污水厂的厂家，各厂家依此污泥累积期间所支付的污水处理费金额佔所有厂家此期间污水处理费累计总金额的比例分摊此污泥处理费。

Bùn thải sau khi ép khô, ủy thác cho công ty có chức năng vận chuyển và xử lý do bên C liên hệ và ký hợp đồng (sau khi thỏa thuận với bên A và bên B) Trong quá trình vận chuyển và xử lý bùn thải, nếu có phát sinh bất cứ vấn đề gì sẽ do bên C và công ty vận chuyển và xử lý bùn thải chịu trách nhiệm, không liên quan đến bên A và bên B.

壓干後的污泥，委託運輸及處理公司由丙方聯絡及簽約（與甲乙方討論後）

污泥運輸及處理合約將由丙方與運輸及處理公司簽訂。在運輸及處理污泥過程中若發生任何問題由丙方及污泥運輸及處理公司完全負責，與甲、乙方無關。

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

以上單價未含 10%VAT 稅。

Đơn giá trên được duy trì ổn định 12 tháng kể từ ngày 01/03/2017; sau thời hạn trên nếu có biến động giá (giá điện, giá hóa chất, tiền lương...) thì các bên gặp nhau thương thảo và thống nhất bằng Phụ lục hợp đồng. Mỗi lần đơn giá thay đổi không vượt quá 5% mức đơn giá trước đó liên kế.

以上單價維持穩定 12 個月自 2017/03/01 算起，12 月後如果有價格變動（工資，電費，化學原料費）各方就討論及簽署附錄合同。其單價每次更改不能超於上次 5%以上限額。

Trong trường hợp nước thải của bên B có hàm lượng COD > 600 mg/l mà chưa kịp xây dựng hệ thống xử lý nước thải sơ bộ thì bên B làm văn bản gửi bên A và bên C đề nghị hỗ trợ tiếp nhận, xử lý trong thời gian 03 tháng để xây dựng Trạm xử lý nước thải sơ bộ. Đơn giá xử lý được tính thêm 15% đối với 100 mg/l COD tăng thêm (chưa bao gồm thuế VAT).

若乙方的污水品質含 COD > 600mg/l 而乙方來不及建設初步污水處理系統則乙方發文給甲方及丙方建議在 03 個月內協助乙方收集污水以乙方建設初步污水處理系統；處理單價為每 100 mg/l COD 增加將要多付 15% 越盾/m³（未含增值稅）。

Đơn giá trên là cơ sở để bên C tính toán tiền xử lý nước thải và xử lý bùn thải hàng tháng đối với bên B sau đó chuyển cho bên A, bên A căn cứ vào số liệu này để viết hóa đơn và thu tiền của bên B. Đơn giá trên không bao gồm khoản Phí bảo vệ môi trường.

上述的單價作為丙方計算乙方每個月的污水及產生的污泥處理費用及提供給甲方；甲方根據此資料開發票給乙方及向乙方收款，上述單價未含環保費。

5.2. Chi phí quản lý và Phí bảo vệ môi trường:

環保費用與污水管理費用:

5.2.1. Chi phí quản lý:

污水管理費用:

Chi phí quản lý là chi phí được bên A giữ lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

Chi phí quản lý được tính bằng 8% tổng số tiền xử lý nước thải trước thuế hàng tháng thu được của bên B theo đơn giá nêu trên. Phần còn lại 92% bên A trả cho bên C để thực hiện việc xử lý nước thải.

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

5.2.2. Phí bảo vệ môi trường:

Ưu tiên quản lý

Phí bảo vệ môi trường là khoản tiền bên B phải nộp cho Nhà nước Việt Nam hàng quý theo quy định của pháp luật. Bên A thu của các bên B và nộp vào ngân sách theo Thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường. Khoản thu này nằm ngoài đơn giá xử lý nước thải nêu trên.

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

Phí bảo vệ môi trường, bên A viết gộp vào hóa đơn của tháng cuối quý để làm cơ sở bên B thanh toán cho bên A, căn cứ vào lượng nước sử dụng của các doanh nghiệp.

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

5.3. Giá trị và phương thức thanh toán:

Ưu tiên quản lý

5.3.1. Giá trị thanh toán:

Ưu tiên quản lý

a) Giá trị thanh toán giữa bên B và bên A:

Hàng tháng, bên B thanh toán cho bên A tiền xử lý nước thải theo số liệu đã được bên C tính toán chuyển cho bên A được quy định tại khoản 5.1 điều 5 của hợp đồng này.

Hàng quý, bên B thanh toán cho bên A phí bảo vệ môi trường được quy định tại mục 5.2.2 khoản 5.2 điều 5 của hợp đồng này.

Ưu tiên quản lý

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

Ưu tiên quản lý của bên A để lại để phục vụ công tác hạch toán kế toán và phục vụ các cuộc họp với các cơ quan chức năng đến kiểm tra hàng năm (không bao gồm các khoản phát sinh khi cơ quan chức năng kiểm tra ra lỗi của bên C);

b) Giá trị thanh toán giữa bên A và bên C:

Hàng tháng bên C viết hóa đơn GTGT cho bên A để làm chứng từ thanh toán, có thể viết 01 hoặc nhiều hóa đơn, mỗi hóa đơn kèm theo danh sách bảng tính tiền của các bên B.

Đơn giá và số tiền ghi trên hóa đơn bằng 92% đơn giá và số tiền xử lý nước thải trước thuế bên A thu của bên B (đơn giá trên chưa bao gồm thuế GTGT).

甲方及丙方的付款價值:

每個月丙方開增值稅發票給甲方作為付款的憑證, 可以開一張或多張發票, 每張發票附上乙方各廠商的計算費用表格。

發票上的單價及金額等於甲方向乙方收污水處理費稅前金額的 92% (以上單價未含增值稅)。

5.3.2. Phương thức thanh toán:

付款方式

- Bằng tiền mặt (dưới 20 triệu đồng) hoặc chuyển khoản;

現金 (兩千萬以下) 或轉賬

- Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng;

付款幣: 越盾

- Trình tự thực hiện:

履行順序:

+ Hàng tháng bên B chuyển cho bên C bản sao (hoặc scan gửi qua mạng theo địa chỉ: thaibinhxanh.vn@gmail.com) hóa đơn tiền sử dụng nước sạch của bên B ngay sau khi nhận được hóa đơn của đơn vị cung cấp nước sạch;

每個月收到自來水公司提供的發票後, 乙方將水費發票寄送或掃描發到以下郵件 (thaibinhxanh.vn@gmail.com) 給丙方。

+ Bên C căn cứ lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn và hàm lượng COD trong nước thải lập bảng kê tính tiền xử lý nước thải của bên B; bên C gửi bảng kê và phô tô hóa đơn nước sạch gửi cho bên A làm căn cứ viết hóa đơn;

丙方根據乙方發票上的使用水量及污水 COD 含量, 立出乙方污水處理費用統計表; 丙方及上述統計表及自來水發票複印本給甲方當根據開發票。

+ Bên A viết hoá đơn GTGT cho bên B kèm theo bản sao hóa đơn thu tiền nước sạch của đơn vị cấp nước và trực tiếp gửi hóa đơn đến bộ phận kế toán của bên B. Đối với các tháng cuối quý, nội dung hóa đơn của bên A thêm phần Phí bảo vệ môi trường.

甲方開發票給乙方時, 應附上自來水公司的發票複印版, 並直接寄送發票到乙方的會計部門。對於每季的最後月份甲方的發票內容加上環保費部分。

+ Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bên B ký nhận hóa đơn GTGT, bên B có trách nhiệm thanh toán toàn bộ số tiền xử lý nước thải cho bên A.

乙方收到增值稅發票 05 日工作內需支付給甲方污水處理費。

+ Bên C viết hóa đơn GTGT cho bên A kèm theo bảng kê tính tiền của các bên B. Hàng tháng bên A căn cứ vào số tiền xử lý nước thải thực tế thu được của bên B phân làm 2 đợt thanh toán cho bên C: Đợt 1 trước ngày 15 và đợt 2 trước ngày 25.

丙方開增值稅發票給甲方附上乙方統計表，每個月甲方根據實際收到乙方的污水處理費給丙方，分成兩次：第一次 15 日之前和第二次 25 日之前。

Điều 6. Trách nhiệm và Quyền của Bên A:

第六條. 甲方的權利與責任

6.1. Trách nhiệm của bên A:

甲方的責任

- Bên A chịu trách nhiệm trước nhà nước Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường của KCN Phúc Khánh theo quy định của pháp luật.

甲方依照法律規定在越南法律規定上負責關於福慶工業區的環保工作。

- Bên A và bên C có trách nhiệm tiếp nhận toàn bộ nước thải phát sinh (có hàm lượng COD<600 mg/l) của bên B để xử lý.

- 甲方和丙方負責接收乙方所有發生的污水以處理（含 COD<600 mg/l）

Ủy thác hoặc chấm dứt việc ủy thác bên C xử lý toàn bộ nước thải và bùn thải tại trạm xử lý nước thải tập trung KCN Phúc Khánh, chịu trách nhiệm trước Nhà nước Việt Nam về công tác bảo vệ môi trường của KCN Phúc Khánh;

委託或終止委託丙方處理乙方所有排放到污水處理廠的污水，在越南法律規定上負責福慶工業區的環保工作。

- Định kỳ lập Báo cáo công tác bảo vệ môi trường gửi các cơ quan chức năng theo quy định;

按規定定期設立環保工作報告寄送給政府有關單位。

- Chủ trì các cuộc họp, đón tiếp các đoàn thanh tra, kiểm tra công tác bảo vệ môi trường của KCN; chủ trì các buổi làm việc xác định Phí bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp;

主持會議，迎接清查團來檢查工業區的環保工作；主持確定各廠商的環保費用會議。

- Chủ trì các cuộc họp với các doanh nghiệp khi có vấn đề liên quan đến công tác bảo vệ môi trường tại KCN;

主持與各廠商的會議當發生工業區環保工作相關的問題

- Ký hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng với Bên C về việc quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Phúc Khánh.

與丙方簽署有關管理、運行福慶工業區污水收集處理廠的合約及附錄合約。

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ bên C trong toàn bộ quá trình quản lý vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung;

監督、監控及協助丙方在運行及管理集中污水處理站過程中。

- Viết hóa đơn và đơn đốc bên B chi trả tiền xử lý nước thải đúng thời hạn đã được quy định tại mục 5.3.2 khoản 5.3 điều 5 của hợp đồng này.

開發票及督促乙方按此合約第 5 條第 5.3 款第 5.3.2 項規定的時間付污水處理費。

- Có trách nhiệm trả tiền bên C theo đúng quy định tại Điều 5 hợp đồng này.

有責任按照此合約第 5 條的規定支付給丙方。

- Phối hợp kịp thời và liên tục với bên B và bên C trong các vấn đề về xử lý nước thải trong KCN Phúc Khánh để đạt được sự thống nhất trong phương thức giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan.

即時及持續配合乙方和丙方解決福慶工業區污水處理的問題，為了得到統一解決發生相關問題的方式。

- Thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước mưa của KCN và các cửa xả thoát nước mưa của bên B. Trong trường hợp phát hiện có nước thải rò rỉ từ cửa xả thoát nước mưa của bên B vào hệ thống thoát nước mưa của KCN thì phải có thông báo kịp thời bằng văn bản và yêu cầu bên B khắc phục ngay lập tức.

經常檢查工業區的雨水排放系統及乙方的雨水排放口。若發現有工業污水從乙方雨水排放口漏到工業區雨水排放系統需及時書面通知及要求乙方立刻克服；

6.2. Quyền của bên A:

甲方的權限

***Quyền của bên A Đối với bên B:**

甲方對於乙方的權限:

- Nếu bên B vi phạm nội dung của bản Hợp đồng này, bên A có quyền thay đổi và điều chỉnh lại, nếu không đạt được thỏa thuận giữa hai bên thì bên A có thể chấm dứt hợp đồng trước hạn.

如果乙方違反本合約內容，甲方得以更改調整，若雙方無達成協議，甲方可以提前終止合約。

- Có quyền yêu cầu bên B thanh toán toàn bộ tiền phí xử lý nước thải đúng hạn.

甲方有權要求乙方及時與付清污水處理費。

- Có quyền ngừng tiếp nhận nước thải của bên B trong các trường hợp sau:

有權停止接收乙方的污水在下列情況下:

+ Bên B không thanh toán tiền xử lý nước thải sau 20 ngày kể từ ngày nhận được hóa đơn của bên A;

從收到甲方的發票日起 20 天內，乙方不支付污水處理費。

+ Chất lượng nước thải của bên B trước khi xả vào điểm đầu nối không đạt tiêu chuẩn theo khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

乙方的污水排放到連接點之前的質量不符合此合約第 4 條第 4.1 款的標準。

Trước khi ngừng tiếp nhận nước thải, bên A gửi 3 lần thông báo bằng văn bản cho bên B (khoảng cách mỗi lần gửi cách nhau 10 ngày), lần 3 là thông báo về việc chấm dứt hợp đồng và ngừng tiếp nhận nước thải đối với bên B. Thông báo này được gửi cho bên B, bên C và các cơ quan chức năng có liên quan. Mọi trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường đối với nước thải sẽ do bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật.

停止接收污水之前，甲方以書面形式發給乙方三次的催繳通知書（每次發送通知有 10 天的距離），第三次通知關於終止合約和停止接收乙方的污水。此通知發送到乙方、丙方及有關的職能單位。所有環保污水責任由乙方自行承擔。

- Bên A được bồi thường toàn bộ thiệt hại do việc bên B vi phạm hợp đồng gây ra.

若因乙方違反本合約規定而造成的損害，乙方應承擔所有賠償給甲方。

***Quyền của bên A Đối với bên C:**

甲方對於丙方的權限

- Nếu bên C vi phạm nội dung của bản Hợp đồng này, bên A có quyền thay đổi và điều chỉnh lại, nếu không đạt được thỏa thuận giữa hai bên thì bên A có thể chấm dứt hợp đồng trước hạn.

如果丙方違反本合約內容，甲方得以更改調整，若雙方無達成協議，甲方可以提前終止合約。

- Có quyền yêu cầu bên C thực hiện theo quy định của nhà nước và đúng nội dung của hợp đồng này.

甲方有權要求丙方按照國家規定實施符合此合約的內容。

- Có quyền kiểm tra, giám sát việc quản lý vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Phúc Khánh của bên C, đảm bảo luôn thu gom hết nước thải của các doanh nghiệp tại điểm đầu nối của bên A (được quy định tại điều 2 của hợp đồng này) và chất lượng nước thải luôn đạt tiêu chuẩn môi trường; bên C phải chịu toàn bộ trách nhiệm trước pháp luật và có nghĩa vụ nộp phạt khi cơ quan chức năng đến kiểm tra hệ thống thu gom nước thải trong KCN và Trạm xử lý nước thải tập trung không đạt tiêu chuẩn quy định và dẫn đến bị phạt tiền.

甲方有權檢查、監督丙方有關福慶工業區污水收集處理廠的管理運行事宜，確保在甲方的連接點（規定在此合約第 2 條）收齊各廠商的全部污水及污水品質達環保標準；丙方負擔所有法律責任及若經政府機關檢查污水處理廠及工業區污水收集系統無達到標準，至使遭到罰款，應由丙方全部支付。

Nếu bên C vi phạm hợp đồng hoặc quy định của pháp luật gây tổn thất cho bên A, thì bên C phải bồi thường toàn bộ cho bên A.

若因丙方違反本合約或越南法律要求而造成的損害，丙方應承擔所有賠償給甲方。

Điều 7. Trách nhiệm và Quyền của Bên B:

第七條、乙方的權限與責任:

7.1 Trách nhiệm của bên B:

乙方的責任:

- Đầu tư lắp đặt đường ống thoát nước thải công nghiệp trong nội bộ Nhà máy đến điểm đầu nối; Hệ thống thu gom nước thải phải tách riêng với hệ thống rãnh thoát nước mưa trong nội bộ Nhà máy;

投資安裝工廠內部到連接點的工業污水排放管，污水收集系統要與工廠內部雨水排放系統分開;

- Xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải KCN đúng quy định, chất lượng nước thải theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng này.

按照規定排放污水到工業區集中污水處理系統，污水品質必須根據此合約的協議。

- Xây dựng hố ga để lắng cặn nước thải. Hố ga phải có song chắn rác đảm bảo tách triệt để rác trước khi xả thải vào hố ga của bên A tại điểm đầu nối trên hệ thống thu gom nước thải trong KCN.

建設污水沉澱陰井。陰井必須有擋垃圾網，確保污水排放到甲方的陰井在工業區污水處理系統連接點之前徹底分開垃圾。

- Đối với trường hợp bên B có sử dụng nước giếng khoan hoặc nguồn nước khác thì phải lắp đồng hồ đo lượng nước thải trước điểm đầu nối. Kinh phí mua và lắp đặt đồng hồ do bên B chi trả (loại đồng hồ điện từ hoặc cảm ứng hoặc siêu âm).

若乙方使用地下水或其他水來源在連接點前要安裝污水表。購買物料及安裝污水錶費用由乙方責任（電子或感應或超聲的水錶）。

- Thu gom toàn bộ nước thải của nhà máy vào hố ga lắng cặn của bên B
收集工廠的全部污水到乙方的沉澱陰井。

- Không được xả thải các chất thải nguy hại (xăng, dầu thải, mỡ bôi trơn...) vào hệ thống thu gom nước thải chung của khu công nghiệp.

不許排放毒害廢棄物（如：汽油，機油，黃油等）到工業區的污水收集系統。

- Định kỳ kiểm tra và nạo vét bùn tại hố ga lắng cặn để tránh tình trạng bùn lắng đọng nhiều làm tắc đường ống thu gom nước thải chung của KCN;

在沉澱陰井定期檢查及進行清潔污泥防止污泥沉澱太多堵塞工業區的污水收集管綫。

- Không được xả nước thải vào hệ thống rãnh nước mưa của KCN và không được để nước mưa chảy vào hệ thống thu gom nước thải công nghiệp;

不許排放污水到工業區的雨水排放系統及不許讓雨水排到工業區的污水收集系統。

- Phối hợp với bên A và bên C khi lấy mẫu nước thải để phân tích chất lượng;
配合甲方和丙方取樣污水分析質量。

- Nếu chất lượng nước thải có các chỉ tiêu cao hơn quy định tại Điều 4.1 nêu trên thì phải đầu tư xây dựng Trạm xử lý nước thải sơ bộ và vận hành thường xuyên để chất lượng nước thải luôn đạt quy định tại Điều 4.1;

若污水品質超於第 4.1 條所述的指數：則要建造初步污水處理站並要經常運行以污水品質達第 4.1 條所規定。

- Gửi bản sao (hoặc bản scan) hóa đơn tiền sử dụng nước sạch hàng tháng cho bên C ngay sau khi nhận được từ đơn vị cung cấp nước sạch.

當收到自來水公司每個月的水費發票時須寄送發票（複印版或掃描版）予丙方。

- Nhận hóa đơn và thanh toán tiền xử lý nước thải đầy đủ cho bên A trong vòng 5 ngày.

收到發票 5 天內支付全部污水費用予甲方。

- Thông báo kịp thời cho bên A và bên C khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố đối với hệ thống thoát nước thải.

發現不正常情況可造成污水排放系統事故須即時通知甲方和丙方。

7.2 Quyền của bên B:

乙方的權限：

- Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định tại hợp đồng này.

根據此合約排放污水得到污水處理的服務

- Được cung cấp hoặc giới thiệu thông tin về hoạt động xử lý nước thải của bên A và bên C.

甲方和丙方污水處理活動操作消息需提供或介紹給乙方。

- Yêu cầu bên A và bên C thực hiện theo đúng các nội dung thỏa thuận tại Hợp đồng này;

要求甲方和丙方實施本合約的協議內容。

- Yêu cầu bên A và bên C kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra tại hệ thống thu gom nước thải và Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN.

要求甲方和丙方及時克服在收集污水處理系統和工業區集中收集污水站發生的事故。

- Bên B có thể yêu cầu bên A thay đổi bên C khi bên C vi phạm các nội dung sau:

乙方可要求甲方更換丙方，若丙方違反以下內容：

+ Bên C đề xảy ra sự cố tại đường ống thu gom nước thải mà không khắc phục kịp thời dẫn đến không tiếp nhận được nước thải của: 30% số doanh nghiệp bên B hoặc 30% lượng nước thải của tất cả các doanh nghiệp trong thời gian 2 ngày.

在污水收集管綫發生事故，丙方未及時克服引起在 2 天的時間不可接收乙方的 30%廠商的污水或者所有廠商的 30%污水量。

Không thể giải quyết các vấn đề bên B đưa ra (ví dụ như không có cách nào để bên B chấp nhận đơn giá theo giá trị chỉ số COD bên C thông báo, hoặc hai bên có vấn đề tranh chấp nhưng không có cách nào làm cho bên B đồng ý...).

無法解決乙方提出的問題(例如無法讓乙方接受丙方所通知的 COD 值計價，或雙方有爭議無法讓乙方同意的問題等等)。

Bảo trì ống dẫn nước thải không tốt khiến ống dẫn nước không được thông suốt (ví dụ để ống nước thải bị tắc, dẫn đến nước xả thải của các doanh nghiệp bị tắc và đẩy trở lại)

對污水排放管的維護無法做到使污水排放順利(例如污水排放管堵塞，使廠家的污水排放回堵)

Nếu bên C phát hiện bên B xả thải vi phạm quy định trong hợp đồng, bên C cần thông báo cho bên A và B bên biết trước để hai bên tiến hành cải thiện.

若丙方發現乙方排放的污水有違反本合約規定時，應先公文通知甲乙兩方進行改善。

Hai lần thông báo bằng văn bản vẫn không cung cấp được số liệu cho bên A hoặc bên B yêu cầu về việc xử lý nước thải hoặc bùn thải (mỗi lần thông báo nhiều nhất 5 ngày)

無法提供甲方或乙方所需求的污水或污泥處理的報表，經兩次公文通報未能提供時(每次通報需多於 5 日)。

Thông báo 2 lần khi kiểm tra phát hiện số liệu báo biểu cung cấp không phù hợp, (ví dụ bùn thải lẫn vỏ trấu hoặc báo tăng trọng lượng)

所提供的報表數字經查驗不符(例如污泥混入稻殼或多報重量),通報超過兩次者。

- Được bồi thường thiệt hại do bên A và bên C vi phạm quy định của hợp đồng này.
由甲方和丙方違反此合約，應賠償乙方。(由甲方或丙方違反此合約，應賠償乙方)

- Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.

- 由法律規定的其他權利

Điều 8. Trách nhiệm và Quyền của Bên C

第八條：丙方的權限與責任

8.1. Trách nhiệm của bên C:

丙方的責任：

- Quản lý, vận hành hệ thống đường ống thu gom, các trạm bơm nước thải đảm bảo thu gom hết lượng nước thải của các doanh nghiệp; thời gian thu gom liên tục 24/24 giờ;

管理、運轉收集管道：污水泵站確保收集工業區廠商的全部污水量；收集時間 24h。

- Quản lý, vận hành Nhà máy xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp Phúc Khánh đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt các chỉ tiêu cột A quy định giá trị C của QCVN 40:2011/BTNMT.

管理、運轉污水處理廠保證處理後污水品質達到越南標準 QCVN 40 : 2011/BTNMTA 列 C 價值 A 級標準。

-Chịu trách nhiệm ép khô bùn thải và ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý bùn thải nguy hại (sau khi thống nhất với bên A và bên B).

負責污泥壓干及與合法危害污泥運輸及處理公司簽名（與甲乙方討論同意後）

Hàng tháng (hoặc 2 tháng) thông báo cho công ty vận chuyển đến chở bùn thải. Khi chở bùn thải cần thông báo cho đại diện bên A bên B đến giám sát, đồng thời ký tên xác nhận trên giấy xác nhận trọng lượng bùn thải. Từ đó dựa vào trọng lượng bùn thải trên giấy xác nhận để tính chi phí ép và vận chuyển bùn thải cho bên A và bên B.

每個月（或 2 個月）通知污泥運輸公司載運污泥，載運時，需通知甲乙方代表在現場監看，並在重量單上簽名確認，始可以此重量向甲乙方收取污泥壓乾費及污泥運輸費。

Hàng tháng cung cấp cho bên A bên B tất cả số liệu xử lý (bao gồm lượng nước vào hàng tháng, hàm lượng COD vào, giá trị SS, lượng nước ra, hàm lượng COD ra, giá trị SS và lượng xử lý bùn thải), đồng thời vào xưởng tại bất kỳ thời điểm nào để đối chiếu.

每個月提供給甲乙方所有處理的數據（包括每日進水量，進水 COD,SS 值，出水量，出水的 COD,SS 值，及污泥處理量）並供隨時進廠核對。

- Bảo trì, sửa chữa kịp thời hệ thống thu gom nước thải KCN được bên A ủy thác cho quản lý vận hành và tất cả hồ ga thu gom nước thải của bên A (Không bao gồm phần hồ ga lắng cặn của bên B và đường ống của bên B)

及時保養、維修甲方委託管理運行的工業區污水處理系統和所有的甲方收集污水陰井（未含乙方的沈澱陰井和乙方的管綫）。

- Phối hợp với bên A trong việc kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước mưa của khu công nghiệp và các cửa xả nước mưa của bên B. Nếu phát hiện có nước thải công nghiệp rò rỉ vào rãnh thoát nước mưa hoặc nước mưa rò rỉ vào hệ thống thu gom nước thải thì thông báo kịp thời cho bên A và bên B để khắc phục.

配合甲方檢查工業區的雨水排放系統及乙方的雨水排放口。若發現工業污水漏到雨水水溝或雨水漏到污水收集系統，則要及時通知甲方及乙方進行克服。

- Hàng tháng bên C căn cứ lượng nước tiêu thụ ghi trên hóa đơn, hàm lượng COD, lượng bùn thải khi xử lý và chi phí thu bùn thải do công ty xử lý bùn thải xuất hóa đơn để lập bảng kê tính tiền xử lý nước thải của bên B và chuyển bản sao hóa đơn nước sạch cho bên A để làm cơ sở viết hóa đơn tiền xử lý nước thải.

每月丙方根據乙方自來水發票上的使用水量，檢測的污水 COD 含量，產生的污泥量及污泥運輸公司開立的收污泥費用，統計乙方污水處理費用及給甲方自來水發票複印本作為付款依據開立發票。

- Quản lý, vận hành hệ thống quan trắc tự động nước thải và trang Web đảm bảo dữ liệu được cập nhật thường xuyên, liên tục;

管理、運行污水自動觀測系統及網絡確保數據能夠經常更新。

- Có trách nhiệm hỗ trợ và tư vấn các vấn đề liên quan đến công nghệ xử lý nước thải cho bên B khi bên B đề nghị và có nhu cầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải sơ bộ trước khi xả vào hệ thống thu gom nước thải KCN.

若乙方有提議和要求建設排到工業區污水系統之前的初步污水處理系統，應有責任協助及顧問有關污水處理工藝予乙方。

- Chịu trách nhiệm về hệ thống thu gom nước thải KCN, nước thải thải ra ngoài môi trường của Nhà máy xử lý nước thải và tất cả các vấn đề về môi trường của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN.

負責有關工業區收集污水系統，污水廠污水對外排放和污水廠的所有環保問題。

- Trừ các quy định của điều 6.2 ra, bên C không được từ chối xử lý nước thải.

除了如 6.2 之規定，丙方不可拒絕處理污水。

- Trong quá trình bên A ủy thác cho bên C tiếp nhận và xử lý toàn bộ nước thải công nghiệp của bên B, nếu pháp luật bảo vệ môi trường của Việt Nam thay đổi dẫn đến quy chuẩn về chất lượng nước thải sau xử lý thay đổi, phải cải tạo nâng cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải thì toàn bộ chi phí sẽ do bên C chịu trách nhiệm chi trả. Trước khi cải tạo nâng cấp thiết bị hệ thống xử lý nước thải bên C phải thông báo cho bên A được biết, đồng thời bên C phải cung cấp cho bên A tất cả các hợp đồng và chứng từ cải tạo nâng cấp thiết bị.

在甲方委託丙方執行接受及處理乙方所有工業污水的過程中，若越南的環保法律變更引起污水處理後的品質標準更改，須改造提升污水處理系統的設備則全部費用將由丙方負擔。在改造提升污水處理系統的設備之前丙方必須通知甲方得知，同時須提供所有改造提升污水處理系統的合約、憑證給甲方。

- Ngoài ra toàn bộ những chi phí phát sinh liên quan đến trạm xử lý nước thải cũng do bên C chi trả.

另外跟污水處理廠有關的所有發生的費用也由丙方負責支付。

8.2 Quyền của bên C:

丙方的權限：

- Có quyền yêu cầu bên A thanh toán tiền phí xử lý nước thải đúng thời hạn.

有權要求甲方按照期限支付污水處理費用。

- Được bồi thường thiệt hại do bên A và bên B vi phạm quy định của pháp luật và vi phạm hợp đồng gây ra.

若因甲方或乙方違反本合約或越南法律要求而造成丙方損害，有權要求賠償給丙方。

- Có quyền ngừng tiếp nhận nước thải của bên B trong các trường hợp sau:

- 有權停止接收乙方的污水如下情況：

+ Khi bên A không thanh toán tiền xử lý nước thải quá 20 ngày theo thời hạn quy định tại Điều 5;

根據此第 5 條的規定時間超過 20 天甲方不付污水處理費。

+ Chất lượng nước thải của bên B trước khi xả vào điểm đầu nối không đạt tiêu chuẩn theo khoản 4.1 điều 4 của hợp đồng này.

乙方的污水排放到連接點之前的質量不符合此合約第 4 條第 4.1 款的標準。

Trước khi ngừng tiếp nhận nước thải, bên C gửi 3 lần thông báo bằng văn bản cho bên A và bên B (khoảng cách mỗi lần gửi cách nhau 10 ngày), lần 3 là thông báo về việc chấm dứt hợp đồng và ngừng tiếp nhận nước thải đối với bên B. Thông báo này được gửi cho bên B, bên A và các cơ quan chức năng có liên quan. Mọi trách nhiệm trong công tác bảo vệ môi trường đối với nước thải sẽ do bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật.

停止接收污水之前，丙方以書面形式發給甲方及乙方三次的催繳通知書（每次發送通知有 10 天的距離），第三次通知關於終止合約和停止接收乙方的污水。此通知發送到乙方、甲方及有關的職能單位。所有環保污水責任由乙方自行承擔。

Điều 9. Thời gian thực hiện hợp đồng:

第九條. 合約履行時間:

Từ ngày 01/ 03 /2017 đến ngày 31/12/2026. Sau thời hạn trên các bên gặp nhau để bàn bạc gia hạn hợp đồng.

自 2017/ 03 / 01 至 2026/12/31。滿此期後，三方再討論協商延期合約。

Điều 10 . Điều khoản chung:

第十條. 共同條款

Bên A và các đơn vị chức năng có liên quan kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước mưa của khu công nghiệp và các cửa xả nước mưa của bên B, nếu xác định được một doanh nghiệp nào đó của bên B thải nước thải công nghiệp hoặc xăng dầu... vào rãnh thoát nước mưa thì thông báo và yêu cầu doanh nghiệp đó khắc phục kịp thời; Nếu doanh nghiệp đó không giải quyết vấn đề dẫn đến bên A bị cơ quan chức năng kiểm tra và phạt thì tiền phạt và các chi phí có liên quan do doanh nghiệp đó của bên B chịu trách nhiệm chi trả cho bên A.

甲方暨相關權責單位檢查工業區的雨水排放系統及乙方雨水排放口時，倘確定乙方某工廠將工業污水或油漬等流放入雨水排放系統，則需通知乙方該廠商並要求立時改善。若乙方該廠商不解決問題，致使甲方被權責機關查獲並罰款，則該罰款及相關費用由該乙方廠商負擔。

Bên A và các đơn vị chức năng có liên quan kiểm tra hệ thống rãnh thoát nước mưa của khu công nghiệp và các cửa xả nước mưa của bên B, phát hiện có nước thải công nghiệp hoặc xăng dầu... nhưng không xác định được nguồn gây ô nhiễm thì nếu bị cơ quan chức năng kiểm tra và phạt thì tiền phạt và các chi phí có liên quan sẽ do các doanh nghiệp của bên B cùng chi trả toàn bộ.

甲方暨相關權責單位檢查工業區的雨水排放系統及乙方雨水排放口時，倘發現有工業污水或油漬等顯現其中，但卻未能確定污染源時，則若被權責機關查獲並罰款，則該罰款及相關費用由乙方所有廠商共同分攤。

Các bên cam kết thực hiện đúng các điều khoản đã ký kết tại Hợp đồng này, trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc phát sinh, các bên cùng bàn bạc tìm biện pháp giải quyết trên tinh thần hợp tác và tuân thủ đúng quy định của pháp luật Việt Nam; trường hợp không thể thương lượng được thì đề nghị Tòa kinh tế tỉnh Thái Bình phân xử, phán quyết của Tòa kinh tế buộc các bên phải thực hiện, bên nào thua kiện phải chịu trách nhiệm nộp án phí theo quy định.

三方保證按照合同的協議條款實現，發生問題或困難雙方就在合作精神上直接討論商量。若商量不得，就請太平省經濟法院處理。法院的決定結果是最後的結果，雙方必須按照實行，敗訴方要付訴訟費。

Hợp đồng lập bằng song ngữ: tiếng Việt Nam và tiếng Trung Quốc, trường hợp có sự hiểu khác nhau về nội dung thì lấy tiếng Việt Nam làm chuẩn. Hợp đồng được làm thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ 02 bản.

該合同一式 06 份越中文的，若有爭議用越文為解釋語言，每方留 02 份並有同等法理價值。

Hiệu lực của Hợp đồng: Hợp đồng có hiệu lực từ ngày ký đến hết thời gian thực hiện Hợp đồng. Trường hợp các bên có thay đổi bất thường thì ba bên gặp nhau thanh toán và thanh lý Hợp đồng theo quy định.

合同的效力：本合同從簽訂日期到實現合同的限期生效。如果各方有改變則三方協調付款及清理合同。

Hợp đồng này thay thế Hợp đồng thu gom, xử lý nước thải đã ký kết giữa bên B và bên C trước đây.

此合約代替之前乙方與丙方已簽署之污水收集處理合約。



CHỦ TỊCH HĐQT
KIỂM TÓNG CHẤM ĐỌC
TSAI, CHUI- TIEN

ĐẠI DIỆN BÊN B
乙方代表者



CHỦ TỊCH HĐQT KIỂM TÓNG CHẤM ĐỌC
BSU TINH - ISIN

ĐẠI DIỆN BÊN C
丙方代表者



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Lưu

BỘ CÔNG AN
CÔNG AN TỈNH THÁI BÌNH
Số: 21/TĐ-PCCC (PCCC)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu PC1
BH theo Thông tư số: 04/2004/TT-BCA
Ngày 31-3-2004
In năm 2010

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ - CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số 73/IT ngày 24/6/2013
của: Công ty TNHH Công nghiệp Ngủ Kim FORMOSA Việt Nam
Người đại diện là ông/bà: H.S. T. H. S. Chức danh Giám đốc Kinh doanh

(1) Phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ

CHỨNG NHẬN:

(2) Nhà xưởng Số 3 thuộc Công ty TNHH Công nghiệp Ngủ Kim FORMOSA Việt Nam
Địa điểm: Đường Trần Thị Dung, Khu công nghiệp Phố Mới, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Chủ đầu tư/ chủ phương tiện: Công ty TNHH Công nghiệp Ngủ Kim FORMOSA Việt Nam
Đơn vị lập dự án/ thiết kế: Công ty cổ phần xây dựng TCCO
Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau: Hệ San xuất
- Bậc chịu lửa của công trình
- Giải pháp chữa cháy
- Phương pháp an toàn PCCC giữa các công trình
- Đường, lối thoát nạn
- Hệ thống chống sét
- Hệ thống cấp nước chữa cháy, hệ thống báo cháy tự động
- Bình bột chữa cháy

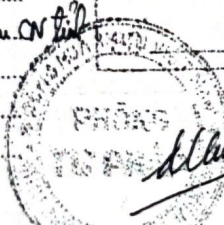
theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Các yêu cầu kèm theo: (3) Thi công xây dựng theo đúng thiết kế đã được duyệt và phải
đảm bảo an toàn phòng cháy, phòng nổ trong suốt quá trình thi công lắp đặt.
- Trang bị bộ máy bơm chữa cháy loại TANHISU V52 lắp đặt cho hệ thống cấp nước chữa cháy.
- Hệ thống chống sét lắp đặt các dây dẫn xuống phương pháp giữa các dây tải đã 20 mét.
- Chủ đầu tư tự tổ chức phối hợp với phòng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ Công an tỉnh
Thái Bình kiểm tra thi công và nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy theo quy định.

PHÒNG CẢNH SÁT PCCC VÀ CỨU NẠN CỨU HỘ
CHUNG THỰC BẢN SƠ ĐỒ
ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

Thái Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2013

Nơi nhận:
- Chủ đầu tư
- Ban quản lý các KCN
- Lưu PCCC



(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ cấp giấy; (2) Tên dự án, công trình, hạng mục công trình hoặc phương tiện giao thông cơ giới
(3) Trách nhiệm của chủ đầu tư, chủ phương tiện phải thực hiện tiếp; (4) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC THẨM DUYỆT VỀ PCCC

SỐ TT	TÊN TÀI LIỆU, BẢN VẼ	KÝ HIỆU	GHI CHÚ
1	Mặt bằng tổng thể	KT-01	
2	Mặt bằng nhà nghỉ	KT-02	
3	Mặt bằng quy hoạch gần tổng	KT-03	
4	Mặt bằng cấp nước nhà nghỉ	CN-01	
5	Tổng mặt bằng PCCC	PCCC-01	
6	Các mặt bằng	KE-02	
7	Các mặt cắt	KE-03	
8	Mặt bằng mái, mặt bằng kết cấu mái	KC-01; KC-02	
9	Mặt bằng kết cấu chung	KC-03	
10	Chỉ tiêu chung B ₁ ; B ₂	KC-04; KC-05	
11	Chống sét nhà nghỉ	CS-01	
12	Mặt bằng cứu hỏa ngoài nhà	CH-01	
13	Mặt bằng cứu hỏa trong nhà	CH-02	
14	Mặt bằng bảo vệ	CH-03	
15	Chỉ tiêu từ cứu hỏa, chỉ tiêu hồ bơi	CT-01	

SAO Y BẢN CHÍNH
NGÀY 21/07/2012. NĂM 2012. KH

BỘ CÔNG AN
Công an tỉnh Thái Bình
Số: 58 /ĐK-PCCC (.....)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN
ĐỦ ĐIỀU KIỆN VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Dương Thị Thơm

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001;
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy;
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an;
- Xét hồ sơ đề nghị cấp "Giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC" của ông/bà:

KUO HSIEN SHENG Chức vụ: Giám đốc sản xuất
đại diện cho: Công ty TNHH Công nghiệp Nguyễn Kim FORMOSA - Việt Nam
và biên bản kiểm tra các điều kiện về PCCC của pháp cảnh ĐAT PCCC & CNCH - CA Thái Bình
lập ngày 04 tháng 7 năm 2012

(1) Pháp Cảnh ĐAT PCCC & CNCH

CHỨNG NHẬN:

(2) Công ty TNHH Công nghiệp Nguyễn Kim FORMOSA - Việt Nam
Thuộc:
Địa chỉ: Đường Trần Phú Đ, Khu công nghiệp phúc Khánh, TP. Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận này có đủ điều kiện về phòng cháy và chữa cháy
theo quy định của pháp luật về: Sản xuất dụng cụ làm vườn

Đồng thời ông/bà: KUO HSIEN SHENG có trách nhiệm
duy trì liên tục điều kiện về PCCC đã chứng nhận của Công ty TNHH CN Nguyễn Kim FORMOSA-VN
trong suốt quá trình hoạt động.

Thái Bình, ngày 05 tháng 7 năm 2012

P. Trưởng pháp cảnh ĐAT PCCC & CNCH



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

THƯỢNG THẠM NGUYỄN VĂN THIỆN

(1) Tên cơ quan Cảnh sát PCCC cấp giấy; (2) Tên cơ sở hoặc phương tiện giao thông cơ giới; (3) Chức danh người ký giấy (ký tên, đóng dấu).

CÔNG AN TỈNH THÁI BÌNH
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC & CNCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số PC03

Ban hành kèm theo Thông tư

số 66/2014/TT-BCA,

ngày 16/12/2014

Số: 62 /TD-PCCC

GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

ADY BẢN CHÍNH
Ngày 25 tháng 07 năm 2017

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 28/VN..... ngày 07.. /07. /2017.. của: ...**Công ty Cổ Phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam**

Người đại diện là Ông/Bà: **DUONG THI THOM**..... Chức danh **Giám đốc tài chính**

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY, CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CHỨNG NHẬN:

CÔNG TRÌNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM FORTRESS VIỆT NAM

Địa điểm xây dựng: KCN.Phước.Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình....

Chủ đầu tư/chủ phương tiện: Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam

Đơn vị lập dự án/thiết kế: Công ty CP tư vấn thiết kế 306.....

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

Khoảng cách PCCC; đường giao thông cho xe chữa cháy; lối thoát nạn; hệ thống chống sét; giải pháp ngăn cháy; Hệ thống báo cháy tự động; hệ thống họng nước chữa cháy và cấp nước ngoài nhà; trang bị bố trí bình chữa cháy; thông đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn; /

theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư;

.....

- Lưu: PC66 (TM,KT)

Thái Bình..., ngày 07 tháng 7 năm 2017

TRƯỞNG PHÒNG...



Đại tá Hoàng Đức Chiến



DANH MỤC TÀI LIỆU, BẢN VẼ ĐÃ ĐƯỢC
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

[illegible]

PHỤ LỤC BIÊN BẢN THANH KIỂM TRA

BIÊN BẢN KIỂM TRA
Việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường
của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (cơ sở 1)
tại KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình

Hôm nay, hồi 08 giờ 00 phút, ngày 12 tháng 11 năm 2024.

Tại: Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (cơ sở 1),
Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.

Đoàn kiểm tra thành lập theo Quyết định số 226/QĐ-STNMT ngày 18/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (cơ sở 1) tại Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình theo Kế hoạch kiểm tra năm 2024 được ban hành kèm theo Quyết định số 50/QĐ-STNMT ngày 15/01/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

I. Thành phần:

* Đoàn Kiểm tra:

- Ông Mai Thế Hưng, Trưởng Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Trưởng đoàn;

- Bà Trần Thị Thúy Hiền, Phó Trưởng Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phó Trưởng đoàn;

- Ông Trần Hoài Nam, Chuyên viên Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành viên;

- Ông Nguyễn Nam Chung, Thanh tra viên Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường, Thành viên;

- Ông Nguyễn Văn Anh, Chuyên viên Phòng Môi trường - Tài nguyên, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh, Thành viên;

- Ông Vũ Quang Tùng, Phó Trưởng Phòng Kỹ thuật - An toàn - Môi trường, Sở Công thương, Thành viên;

- Bà Đặng Thị Hồng Khánh, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình, Thành viên.

* Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam:

- Bà Lê Thị Thu Hằng, Phó Tổng Giám đốc tài chính thừa ủy quyền của Ông Tsai, Chui - Tien Chủ tịch hội đồng quản trị;

- Bà Lê Thị Thu Hương, Phó Giám đốc hành chính;

- Bà Đinh Thị Thoa, Cán bộ phụ trách môi trường.

II. NỘI DUNG.

Các thành phần tham dự nghe Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam báo cáo sơ bộ về tình hình hoạt động, công tác bảo vệ môi trường và kiểm tra, rà soát hồ sơ, tài liệu liên quan, cụ thể:

2.1. Thông tin chung tình hình hoạt động.

Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (sau đây gọi tắt là Công ty) có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số 1000383611 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp lần đầu ngày 14 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 22 tháng 04 năm 2021, người đại diện theo pháp luật là ông Tsai, Chui - Tien Chủ tịch hội đồng quản trị.

Công ty được Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4304315420 chứng nhận lần đầu ngày 14/7/2010, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 11 ngày 04/5/2021 đối với Dự án "Nhà máy sản xuất gia công các sản phẩm dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim, sản phẩm nhựa, sản phẩm đồ chơi bằng gỗ..." công suất thiết kế theo Giấy chứng nhận đầu tư là 4.575,2 tấn/năm, tương đương 24.496.000 sản phẩm/năm, gồm: Sản phẩm từ sắt thép 1.500 tấn/năm, sản phẩm nhựa 500 tấn/năm; sản phẩm đồ chơi bằng gỗ 450 tấn/năm tương đương 1,5 triệu sản phẩm/năm; sản phẩm bằng vải, da 403,2 tấn/năm tương đương 336.000 sản phẩm/năm; sản phẩm dây móc đai 672 tấn/năm tương đương 2.240.000 sản phẩm/năm; sản phẩm lồng nuôi động vật 1.050 tấn/năm tương đương 420.000 sản phẩm/năm.

Quy trình sản xuất chính: Nguyên liệu (kim loại) - cắt - đột dập thành hình - mài - son, mạ điện - lắp ráp; gỗ nguyên liệu - bào - cắt - phôi nguyên liệu - tạo hình...

Diện tích sử dụng đất khoảng 52.320 m²; thuê lại của Công ty TNHH Garden Plas 500 m² (khu mạ điện).

Số lượng công nhân viên 581 người Việt Nam và 04 người nước ngoài, bắt đầu hoạt động chính thức từ năm 2006.

Nước sử dụng trung bình 6.716 m³/tháng, thời điểm cao nhất 8.556 m³/tháng; mua của Công ty Cổ phần nước sạch Thái Bình.

Hóa chất sử dụng: Zn, NaOH, NH₄Cl, ZnCl₂, CrO₃, H₂SO₄, HCl, HNO₃, BaCO₃, Ni, NiSO₄, NiCl₂, NaNO₂, Ba(OH)₂... tổng khối lượng khoảng 20 tấn/năm.

2.2. Về công tác bảo vệ môi trường.

2.2.1. Thủ tục hành chính về môi trường.

- Quyết định phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh báo cáo đánh giá tác động môi trường: Số 1236/QĐ-UBND ngày 09/6/2009, số 3314/QĐ-UBND ngày 17/11/2016, số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.

- Giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường của dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy Ngũ Kim tại KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình" số 04/GXN-STNMT ngày 27/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường.

2.2.2. Chất thải phát sinh, biện pháp xử lý và các công tác bảo vệ môi trường khác.

a) Nước thải.

- Gồm nước thải sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt, ăn ca của cán bộ, nhân viên khoảng $85 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$ và nước thải sản xuất từ các công đoạn mạ khoảng $2.400,3 \text{ m}^3/\text{tháng}$, tương đương khoảng $77 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; công đoạn tẩy rửa trước sơn... tổng khối lượng phát sinh trung bình khoảng $533,7 \text{ m}^3/\text{tháng}$, tương đương $20,5 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải: Trạm xử lý nước thải công suất $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

- Nước thải sản xuất, sinh hoạt toàn bộ được đầu nối về trạm xử lý tập trung của KCN Phúc Khánh theo Hợp đồng số 03/XLNT/DT-TBX-FT ngày 01/3/2017 với Công ty TNHH Môi trường xanh Thái Bình và Công ty Cổ phần Khai phát Đài Tín.

b) Bụi, khí thải.

- Khí thải phát sinh từ các công đoạn mài, đánh bóng, sơn, mạ...

- Sử dụng phương pháp mài, đánh bóng khô; tại các máy mài có bố trí các cửa hút bụi về buồng chứa, túi thu bụi.

- Sử dụng hạt nhựa nguyên sinh, quy trình sản xuất sản phẩm bằng máy ép nhựa kín giảm thiểu phát sinh mùi.

- Đầu tư hệ thống buồng phun sơn khô tích hợp buồng thu hồi bụi, thiết bị thu gom, xử lý khí thải sau sấy sơn.

- Đầu tư hệ thống xử lý khí thải khu vực mạ bao gồm hệ thống chụp hút, quạt hút, tháp lọc khí thải bên trong chứa quả cầu lọc đường kính 50 mm, hệ thống phun sương, máng điều chỉnh pH, hệ thống điều chỉnh pH tự động.

c) Chất thải rắn thông thường.

- *Chất thải sinh hoạt.*

+ Phát sinh từ nhà ăn và nhà vệ sinh trung bình khoảng $5,1 \text{ tấn/tháng}$ được thu gom, bố trí các thùng chứa tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, đặt tại các khu vực văn phòng, khu nhà ăn ca.

+ Biện pháp xử lý: Hợp đồng với Công ty Cổ phần Môi trường và Công trình đô thị Thái Bình vận chuyển, xử lý (Hợp đồng số 108/HĐ-MTĐT ngày 31/12/2023).

- *Chất thải rắn sản xuất.*

+ Phát sinh gồm: Mảnh kim loại thừa, bavia kim loại, bụi kim loại, nhựa thừa, giấy catton, nhựa, nilon... tổng khối lượng phát sinh năm 2023 khoảng $1.151.250 \text{ kg/năm}$.

+ Biện pháp xử lý: Thu gom, phân loại, bố trí lưu giữ tạm thời chất thải rắn sản xuất thông thường diện tích khoảng 15 m^2 ; phân loại chuyển giao cho Công ty

TNHH Môi Trường Phú Minh Vina (Hợp đồng số 590.2/2024/HĐ/PM-NKF ngày 12/10/2024).

d) Chất thải nguy hại.

- Phát sinh gồm: Bùn thải chứa thành phần nguy hại, bóng đèn huỳnh quang, thùng đựng hóa chất bằng kim loại, bao bì khác chứa thành phần nguy hại, cặn sơn thải, cặn dầu... tổng khối lượng phát sinh năm 2023 khoảng 1.780 kg.

- Biện pháp xử lý: Bố trí khu lưu giữ bùn thải diện tích 15 m², nền cao, được lát xi măng và sơn bề mặt bằng sơn chuyên dụng, có gờ cao ngăn nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có rãnh thu nước rò rỉ xung quanh kho chứa, nhà được thung bằng tôn, mái lợp tôn đảm bảo kín khít, có biển cảnh báo, bố trí các bình cứu hỏa. Ký hợp đồng vận chuyển, xử lý với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kỹ thuật tài nguyên và môi trường ETC (Hợp đồng số 12184/2022/HĐCNNHKL/ETC ngày 27/12/2022).

e) Việc thực hiện các quy định khác về bảo vệ môi trường.

Đã thực hiện quan trắc, giám sát lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2023 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường.

III. Kiểm tra hiện trạng.

- Thời điểm kiểm tra nhà máy hoạt động bình thường; có 04 nhà xưởng sản xuất hoạt động, không hoạt động xưởng sản xuất đồ chơi bằng gỗ. Chỉ sản xuất các sản phẩm bằng kim loại, nhựa, không có hoạt động sản xuất các sản phẩm đồ chơi bằng gỗ, sản phẩm bằng vải, da, sản phẩm dây móc đai, sản phẩm lồng nuôi động vật... theo Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp điều chỉnh.

- Có 04 dây chuyền sơn, trong đó dừng hoạt động 01 dây chuyền sơn ước (chưa thực hiện dỡ bỏ), 03 dây chuyền sơn khô có hệ thống thu hồi bụi sơn, thu gom, xử lý khí thải sấy sơn.

- Bổ sung 02 dây chuyền sơn khô; đang lắp đặt 01 dây chuyền, hoạt động 01 dây chuyền, có hoạt động làm sạch bề mặt bằng hóa chất không có hệ thống thu gom, xử lý khí thải (thực hiện trên diện tích thuê lại của Công ty TNHH Garden Pals).

- Bụi từ 07 máy đánh bóng chưa được thu gom triệt để còn phát tán ra nhà xưởng.

- Bổ sung 01 khu vực đốt giá treo chưa có biện pháp thu gom, xử lý khí thải.

- Xưởng nhựa sử dụng nhựa nguyên sinh không phát sinh mùi khó chịu.

- Chưa thu gom triệt để khí thải từ dây chuyền mạ về hệ thống xử lý (01 dây chuyền mạ không có hệ thống thu gom...); bể hóa chất của tháp xử lý khí thải mạ không còn hóa chất.

- Khu lưu giữ chất thải nguy hại còn thiếu vật liệu hấp thụ (cát hoặc mùn cưa), dụng cụ ứng phó sự cố (xẻng...).

- Trạm xử lý nước thải không có mái che tránh nước mưa làm tràn bể.

IV. Nhận xét, kiến nghị của Đoàn kiểm tra.

Trên cơ sở hiện trạng và hồ sơ Đoàn kiểm tra thống nhất đề nghị Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam:

- Khẩn trương rà soát, khắc phục các nội dung về hiện trạng thực tế nêu trên.
- Chỉnh sửa, hoàn chỉnh Báo cáo việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường theo đề cương kèm theo Văn bản số 3572/STNMT-QLMT ngày 01/11/2024 trong đó đặc biệt làm rõ thêm một số nội dung về: Quy mô, công suất thực tế hiện nay của cơ sở, diện tích đất sử dụng, các nội dung thay đổi so với báo cáo ĐTM được phê duyệt; các dây chuyền, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đã bổ sung hoặc di chuyển... mô tả hiện trạng thu gom, xử lý khí thải theo đúng thực tế... gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường trước 25/11/2024.

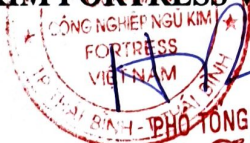
- Trường hợp, Sở Tài nguyên và Môi trường trưng cầu lấy, phân tích mẫu chất thải đề nghị Công ty phối hợp thực hiện.

V. Ý kiến của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam.

Thống nhất nội dung biên bản và cam kết thực hiện các yêu cầu của Đoàn kiểm tra hoàn thiện trước ngày 25/11/2024.

Việc kiểm tra kết thúc hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, biên bản đã được thông qua cho các thành phần tham dự nghe, thống nhất về nội dung, ký xác nhận; được lập thành 05 bản giao cho Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam 01 bản, các thành viên tham gia kiểm tra 01 bản/.

**ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ
KIM FORTRESS VN**



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Lê Thị Thu Hằng

**ĐẠI DIỆN
SỞ CÔNG THƯƠNG**

Vũ Quý Trung

**ĐẠI DIỆN
PHÒNG TN&MT THÀNH PHỐ**

Đặng Thị Hồng Khanh

**ĐẠI DIỆN
ĐOÀN KIỂM TRA**

(Signature)

**Mai Thế Hưng
ĐẠI DIỆN**

**BAN QUẢN LÝ KÝ KINH TẾ VÀ
CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH**

Ngh
Nguyễn Văn Anh

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Về việc thống nhất kết quả kiểm tra việc chấp hành Pháp luật về Bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (cơ sở 1) tại KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình

Hôm nay, hồi 14 giờ 00 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2025;

Tại: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình.

I. Thành phần gồm:

* Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Bà Trần Thị Thúy Hiền, Phó Trưởng Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Ông Trần Hoài Nam, Chuyên viên Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh, Thanh tra viên Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường;

* Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh: Ông Nguyễn Văn Anh, Chuyên viên Phòng Môi trường - Tài nguyên, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh;

* Phòng Cảnh sát Điều tra tội phạm kinh tế, tham nhũng, buôn lậu, môi trường, Công an tỉnh: Ông Tô Minh Hoàn, Cán bộ.

* Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình: Bà Đặng Thị Hồng Khánh, Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường.

* Ủy ban nhân dân phường Phú Khánh: Ông Đỗ Thành Cung, Cán bộ địa chính, môi trường.

* Công ty Cổ phần Công nghiệp Ngũ kim Fortress Việt Nam:

- Bà Lê Thị Thu Hằng, Phó Tổng Giám đốc tài chính thừa ủy quyền của Ông Tsai, Chui - Tien Chủ tịch hội đồng quản trị;

- Bà Lê Thị Thu Hương, Phó Giám đốc hành chính;

- Bà Đinh Thị Thoa, Cán bộ phụ trách môi trường.

II. Nội dung:

1. Bà Trần Thị Thúy Hiền, Phó Trưởng phòng Quản lý môi trường, chủ trì điều hành buổi làm việc, thông qua nội dung buổi làm việc.

Thực hiện Kế hoạch kiểm tra việc chấp hành Pháp luật về Bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam (cơ sở

1) tại KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình (sau đây viết tắt là Công ty) tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, Sở Tài nguyên và Môi trường đã thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành, tiến hành kiểm tra vào ngày 12/11/2024, đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng, thực hiện trưng cầu mẫu chất thải, Công ty đã lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo đề cương của Đoàn kiểm tra; trên cơ sở kết quả trưng cầu mẫu chất thải, báo cáo khắc phục các tồn tại của Công ty, Sở Tài nguyên và Môi trường đã dự thảo thông báo kết quả kiểm tra, đề nghị các thành phần tham gia ý kiến vào dự thảo thông báo và thống nhất ban hành.

2. Ông Trần Hoài Nam, Chuyên viên Phòng Quản lý môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường thông qua dự thảo thông báo kết quả kiểm tra.

III. Ý kiến của Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam.

Sau khi có ý kiến của đoàn kiểm tra ngày 12/11/2024, Công ty đã thực hiện chuyển 07 máy mài, đánh bóng về khu vực bộ phận nhôm có bố trí thu gom bụi, khí thải. Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị cung cấp thiết bị và đang triển khai thực hiện thi công lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý khí thải dây chuyền sơn, mạ và hệ thống xử lý khí thải lò đốt móc treo. Đã bổ sung cát và xẻng để phục vụ ứng phó sự cố tại khu lưu giữ chất thải nguy hại, có biện pháp cải tạo mái che cho hệ thống xử lý nước thải. Dự kiến đến tháng 2/2025 sẽ hoàn thành cải tạo hệ thống, thiết bị xử lý khí thải. Về việc lập hồ sơ cấp phép môi trường: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để lập hồ sơ cấp phép môi trường, trình cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định thời hạn hoàn thành trong tháng 4/2025 sau khi lắp đặt cải tạo hệ thống xử lý khí thải.

Nội dung khác công ty báo cáo tổng lưu lượng khí thải phát sinh của Công ty trên $1.000 \text{ m}^3/\text{giờ}$; lưu lượng khí thải phát sinh tăng thêm do đầu tư 02 dây chuyền sơn và 01 lò đốt móc treo khoảng trên 10% so với lưu lượng đã được xác nhận.

Công ty cam kết dừng hoạt động đối với các công trình xả bụi, khí thải ra môi trường chưa được cấp phép đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét không thực hiện niêm phong hoạt động đối với các công trình trên để thực hiện cải tạo, nâng cấp, lắp đặt thiết bị xử lý và thực hiện lập hồ sơ cấp phép môi trường theo quy định.

IV. Ý kiến tham gia của các thành phần tham dự:

- Đ/c Nguyễn Văn Anh, Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh: Đề nghị Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam phối hợp với Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan chức năng trong việc thực hiện đình chỉ hoạt động các công trình xử lý khí thải chưa được cấp phép (nếu có).

- Đ/c Đỗ Thành Cung, UBND phường Phú Khánh: Về cơ bản hoạt động của Công ty trong khu công nghiệp phường không nhận được ý kiến phản ánh

của nhân dân về việc Công ty gây ô nhiễm môi trường. Đề nghị Công ty nghiêm túc thực hiện việc khắc phục tồn tại để đi vào hoạt động theo quy định.

Các Thành phần tham dự thống nhất nội dung dự thảo Thông báo kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường đối với Công ty Cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam tại buổi hôm nay, cụ thể: Công ty Không có Giấy phép môi trường đối với Nhà máy sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh theo quy định (cụ thể: Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam bổ sung lắp đặt thêm 02 dây chuyền phun sơn có hoạt động làm sạch bề mặt trước sơn, trong đó 01 dây chuyền lắp đặt từ năm 2017, 01 dây chuyền lắp đặt từ tháng 7/2024 trên diện tích nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Garden Pals và 01 lò đốt móc treo từ tháng 7/2024, phát sinh khí thải ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 1.000 m³/giờ trở lên, bổ sung 02 dây chuyền phun sơn và 01 lò đốt móc treo làm tăng trên 10% lưu lượng khí thải làm gia tăng thải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường, không có trong giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tại Giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 27/4/2017 và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, nhưng không lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 28, Điều 39, khoản 3 Điều 41, khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, điểm d khoản 5, khoản 10 Điều 30, điểm d khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

Biên bản được lập xong vào hồi 15 giờ 00 phút cùng ngày, đã được đọc lại cho những người có tên nêu trên nghe, thống nhất với nội dung biên bản và ký tên. Biên bản được lập thành 02 bản có nội dung như nhau, giao cho Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam 01 bản để thực hiện./.

ĐẠI DIỆN
Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim
Fortress Việt Nam



Le Thi Thu Huong

ĐẠI DIỆN
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG



Trần Thị Thuý Hiền

ĐẠI DIỆN
Ban QLKKT và các KCN tỉnh



Nguyễn Văn Anh

ĐẠI DIỆN
UBND thành phố Thái Bình



Đặng Thị Hồng Khánh

ĐẠI DIỆN
Công an tỉnh



Tô Minh Hoàn

ĐẠI DIỆN
UBND phường phú khánh



Đỗ Thành Cung

Số: 04/BB-VPHC

BIÊN BẢN VI PHẠM HÀNH CHÍNH
Về lĩnh vực bảo vệ môi trường

Hôm nay, hồi 15 giờ 10 phút, ngày 16 tháng 01 năm 2025

Tại: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình

Lý do lập biên bản tại Sở Tài nguyên và Môi trường: Do tại thời điểm kiểm tra ngày 12/11/2024, Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam chưa cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu liên quan để xác định hành vi vi phạm.

Căn cứ Biên bản làm việc ngày 16/01/2025 của Sở Tài nguyên và Môi trường về thống nhất kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật bảo vệ môi trường của Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình.

Căn cứ hành vi vi phạm được quy định và hồ sơ, tài liệu liên quan;

Chúng tôi gồm:

1. Người có thẩm quyền lập biên bản:

Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Thu Hạnh – chức vụ: Thanh tra viên.

Cơ quan: Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình.

2. Với sự chứng kiến của:

- Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Anh – chức vụ: Chuyên viên

Cơ quan: Phòng Môi trường – Tài nguyên, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp;

- Họ và tên: Bà Đặng Thị Hồng Khánh – chức vụ: Chuyên viên

Cơ quan: Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Thái Bình;

- Họ và tên: Ông Đỗ Thành Cung – chức vụ: Công chức địa chính;

Cơ quan: UBND phường Phú Khánh.

Tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Mã số doanh nghiệp: 1000383611

Ngày cấp: đăng ký lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi lần thứ 15 ngày 22/4/2021; Nơi cấp: phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông TSAI, CHUI-TIEN; Giới tính: Nam.



Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Ủy quyền cho bà Lê Thị Thu Hằng – Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam có căn cước công dân số 034181020485 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 14/9/2021, địa chỉ: Khu đô thị Dam San, xã Phú Xuân, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình làm việc theo Giấy ủy quyền số 01-11/2024 ngày 12/11/2024 của ông TSAI, CHUI-TIEN, Chủ tịch hội đồng quản trị Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam.

2. Đã có hành vi vi phạm hành chính:

Không có Giấy phép môi trường đối với Nhà máy sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh theo quy định (cụ thể: Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam bổ sung lắp đặt thêm 02 dây chuyền phun sơn có hoạt động làm sạch bề mặt trước sơn, trong đó 01 dây chuyền lắp đặt từ năm 2017, 01 dây chuyền lắp đặt từ tháng 7/2024 trên diện tích nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Garden Pals và 01 lò đốt móc treo từ tháng 7/2024, phát sinh khí thải ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 1.000 m³/giờ trở lên, bổ sung 02 dây chuyền phun sơn và 01 lò đốt móc treo làm tăng trên 10% lưu lượng khí thải làm gia tăng thải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường, không có trong giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp tại Giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 27/4/2017 và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, nhưng không lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 28, Điều 39, khoản 3 Điều 41, khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, điểm d khoản 5, khoản 10 Điều 30, điểm d khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Quy định tại: điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Cá nhân/tổ chức bị thiệt hại: không có.

5. Ý kiến trình bày của đại diện tổ chức vi phạm: Nhất trí với nội dung Biên bản. Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giảm nhẹ mức xử phạt và cam kết khắc phục các tồn tại, vi phạm theo quy định. Công ty đã dừng hoạt động dây chuyền phun sơn và đốt móc treo bổ sung không có trong Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường từ ngày 13/11/2024 và hiện đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn cấp Giấy phép môi trường dự kiến tháng 4/2025 hoàn thành hồ sơ đề nghị thẩm định Giấy phép môi trường và đang đầu tư xây dựng hệ thống xử lý thu gom, xử lý khí thải, dự kiến hoàn thành tháng 2/2025. Công ty đề nghị cho phép Công ty



hoàn thành cấp giấy phép môi trường trước 30/6/2025; trường hợp Công ty hoàn thành trước thời hạn trên sẽ có văn bản báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

6. Ý kiến trình bày của đại diện chính quyền, người chứng kiến: không có.

7. Ý kiến trình bày của cá nhân/tổ chức bị thiệt hại: không có.

8. Chúng tôi đã yêu cầu Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam chấm dứt ngay hành vi vi phạm.

9. Các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính được áp dụng: không có.

10. Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này, Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam có quyền gửi văn bản yêu cầu giải trình trực tiếp hoặc trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày lập biên bản này, Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam có quyền gửi văn bản giải trình đến Chủ tịch UBND tỉnh Thái Bình để thực hiện quyền giải trình theo quy định.

Biên bản lập xong hồi 15 giờ 20 phút cùng ngày; gồm 03 tờ, được lập thành 03 bản có nội dung và giá trị như nhau; đã đọc lại cho những người có tên nêu trên cùng nghe, công nhận là đúng và cùng ký tên dưới đây; giao cho bà Lê Thị Thu Hằng 01 bản; 02 bản lưu hồ sơ./.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC VI PHẠM



Lê Thị Thu Hằng

ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN



Đỗ Thế Cường

NGƯỜI LẬP BIÊN BẢN



Nguyễn Thị Thu Hạnh
Thanh tra viên Thanh tra
Sở Tài nguyên và Môi trường

NGƯỜI CHỨNG KIẾN



Nguyễn Văn M



Đặng Thị Hồng Khanh

Biên bản này đã giao trực tiếp bà Lê Thị Thu Hằng, Phó Tổng Giám đốc tài chính Công ty Cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 16/01/2025.

NGƯỜI NHẬN BIÊN BẢN



Lê Thị Thu Hằng

Số: 09 /QĐ-XPHC

Thái Bình, ngày 24 tháng 01 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Xử phạt vi phạm hành chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính số 04/BB-VPHC do Thanh tra Sở Tài nguyên và Môi trường lập ngày 16/01/2025;

Căn cứ Văn bản giải trình số 1701.2025/FTVN-1 ngày 17/01/2025 của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ-GQXP ngày 24/01/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 27/TT-STNMT ngày 17/01/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với tổ chức có tên sau đây:

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam

Địa chỉ trụ sở chính: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, phường Phú Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Mã số doanh nghiệp: 1000383611

Ngày cấp: Đăng ký lần đầu ngày 14/7/2010, thay đổi lần thứ 15 ngày 22/4/2021; nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: TSAI, CHUI-TIEN; giới tính: Nam; Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị.

2. Đã thực hiện hành vi vi phạm hành chính:

Không có Giấy phép môi trường đối với Nhà máy sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định (cụ thể: Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam lắp đặt bổ sung thêm 02 dây chuyền phun sơn có hoạt động làm sạch bề mặt trước

son, trong đó 01 dây chuyền lắp đặt từ năm 2017, 01 dây chuyền lắp đặt từ tháng 7/2024 trên diện tích nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Garden Pals và 01 lò đốt rác treo từ tháng 7/2024, phát sinh khí thải ra môi trường phải được xử lý với tổng lưu lượng từ 1.000 m³/giờ trở lên, bổ sung 02 dây chuyền phun sơn và 01 lò đốt rác treo làm tăng trên 10% lưu lượng khí thải làm gia tăng tải lượng các thông số ô nhiễm về chất thải ra môi trường, không có trong Giấy xác nhận hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường số 04/GXN-STNMT ngày 27/4/2017 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2019, nhưng không lập hồ sơ cấp Giấy phép môi trường trình Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định tại Điều 28, Điều 39, khoản 3 Điều 41, khoản 2 Điều 42 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, điểm d khoản 5, khoản 10 Điều 30; điểm d khoản 5 Điều 74 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 12, điểm d khoản 31 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ).

3. Quy định tại: Điểm c khoản 3 Điều 14 Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

4. Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết giảm nhẹ: Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam đã tự nguyện khai báo, thành thật hối lỗi, tích cực giúp đỡ cơ quan chức năng phát hiện, lập biên bản vi phạm hành chính.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính: Phạt tiền 310.000.000 đồng (Ba trăm mười triệu đồng).

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không (do 02 dây chuyền phun sơn trên diện tích nhà xưởng thuê của Công ty TNHH Garden Pals và 01 lò đốt rác treo đã dừng hoạt động).

c) Biện pháp khắc phục hậu quả: Không (do Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam đang hoạt động sản xuất trong Khu công nghiệp Phúc Khánh).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:

1. Giao cho ông TSAI, CHUI-TIEN là người đại diện của Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam để chấp hành.

Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn mà Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

a) Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam phải nộp tiền phạt tại Kho bạc Nhà nước Thái Bình (địa chỉ: Số 134, phố Quang Trung, phường Trần Hưng Đạo, thành phố Thái Bình) hoặc nộp tiền phạt vào Tài khoản của Kho bạc Nhà nước Thái Bình số: 7111 (thu ngân sách Nhà nước), mã số

chương: 405 (Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình), mã nội dung kinh tế 4261 trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày nhận được Quyết định này. Sau khi chấp hành nộp tiền phạt, Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam gửi chứng từ nộp tiền phạt về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình, số 12, phố Quang Trung, thành phố Thái Bình.

b) Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Thái Bình để thu tiền phạt.

3. Gửi cho Sở Tài nguyên và Môi trường (02 bản) để gửi cho Công ty Cổ phần Công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam và tổ chức thực hiện.

4. Gửi cho Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp, Ủy ban nhân dân thành phố Thái Bình, Ủy ban nhân dân phường Phú Khánh để biết và phối hợp thực hiện. / *ph*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NNTNMT, Hồ sơ *Tung*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lại Văn Hoàn



Thái Bình, ngày 17 tháng 01 năm 2025

VĂN BẢN GIẢI TRÌNH

Kính gửi: - Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình
- Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thái Bình

Ngày 16/01/2025 Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh Thái Bình tổ chức thông báo kết quả kiểm tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường của công ty cổ phần công nghiệp ngũ kim Fortress Việt Nam tại khu công nghiệp Phúc Khánh thành phố Thái Bình và lập biên bản vi phạm hành chính về lĩnh vực bảo vệ môi trường số 04/BB-VPHC đối với công ty về hành vi không có giấy phép môi trường đối với nhà máy sản xuất dụng cụ cầm tay, đồ ngoại thất sân vườn, đồ ngũ kim tại Khu công nghiệp Phúc Khánh, thành phố Thái Bình thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND cấp tỉnh theo quy định tại điểm C khoản 3 điều 14 nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022.

Công ty nhất trí với nội dung biên bản nhưng do không nắm bắt được kịp thời các quy định của pháp luật về môi trường nên công ty đã lắp đặt bổ sung thêm 2 dây chuyên phun sơn và 1 lò đốt móc treo không có trong giấy hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường đã được sở tài nguyên và môi trường tỉnh Thái Bình cấp tại giấy xác nhận số 04/GXN-STNMT ngày 27/4/2017 và nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 1302/QĐ-UBND ngày 15/5/2019 nhưng chưa lập hồ sơ giấy phép môi trường theo quy định. Sau khi được đoàn kiểm tra chỉ ra những sai phạm công ty đã nhận thức hành vi vi phạm nêu trên và tập trung khắc phục cụ thể bằng hành động Dừng hoạt động đối với dây chuyên phun sơn và đốt móc treo bổ sung không có trong giấy xác nhận hoàn thành bảo vệ môi trường từ ngày 13/11/2024 và hiện đã ký hợp đồng với đơn vị tư vấn cấp giấy phép môi trường với công ty TNHH cơ điện môi trường Sông Hồng theo phụ lục hợp đồng số 1001/2025/HĐDV/SHOMEE kí ngày 10/01/2025 dự kiến đầu tháng 4/2025 hoàn



thành hồ sơ đề nghị thẩm định Giấy phép môi trường và đầu tư xây dựng hệ thống xử lý thu gom, xử lý khí thải với công ty TNHH TAI HSUN theo hợp đồng số 08112024-1/TH-FORTRESS kí ngày 08/11/2024.

Công ty cam kết sẽ khắc phục triệt để các tồn tại vi phạm, đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét giảm nhẹ mức xử phạt để công ty tập trung khắc phục.

Đề nghị cấp có thẩm quyền xem xét không đình chỉ hoạt động đối với 2 nguồn khí thải phát sinh từ dây chuyền sơn lắp đặt trên diện tích nhà xưởng thuê của công ty TNHH Garden Pals và lò đốt móc treo không có trong giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt vì hiện tại các hệ thống trên đã dừng hoạt động đang trong quá trình cải tạo xây dựng lắp đặt hệ thống xử lý khí thải được ban quản lý khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh Thái Bình có văn bản xác nhận vào ngày 17/01/2025. Công ty cam kết dừng hoạt động 2 dây chuyền sơn và lò đốt móc nêu trên đến khi nhận được giấy phép môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Kính đề nghị quý cơ quan xem xét.

Công ty xin chân thành cảm ơn!

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP
NGŨ KIM FORTRESS VIỆT NAM**

Nơi nhận:

+ Như trên;

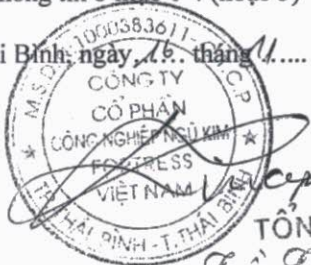
+ Lưu VT...



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH
Lê Thị Thu Hằng

PHỤ LỤC CHUYỂN GIAO CTNH

TỈNH/ THÀNH PHỐ Phú Thọ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI			
				Số :01/2025/1-2-3-4-5-6.016.VX (NGUKIM)			
1.Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Phú Minh Vina				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: Số 115 lô C2, khu 3ha, tổ 3, xã Đông Anh, TP Hà Nội				Số điện thoại: 0961192626			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu xử lý rác thải, xã Tràm Thôn, tỉnh Phú Thọ							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):			
Địa chỉ văn phòng:							
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:							
3. Chủ nguồn thải: Công Ty cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):			
Địa chỉ văn phòng: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, Phường Vũ Phúc, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.				Số điện thoại:			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Lô B8+B9+B10, Khu công nghiệp Phúc Khánh, Phường Vũ Phúc, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	75	XLBĐ
2	Giẻ lau máy nhiễm dầu, bao tay, vải bị nhiễm TPNH	x			18 02 01	95	TĐ
3	Chất thải từ quá trình mài (mạt kim loại, cát,...)	x			07 03 08	945	HR
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải mạ điện	x			07 02 01	870	HR
5	Cặn sơn thải	x			08 01 01	765	TĐ
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	794	TĐ
7	Cặn dầu thải	x			17 02 03	65	TĐ
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	234	TR
9	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	x			18 01 04	372	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:				Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:			
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.				Số hiệu phương tiện vận chuyển : 29H - 95997			
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Ng Đức Thế				Ký : Thế		Ngày: 09/10/2025	
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký :			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4(hoặc 5)				8.Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Hưng Yên, ngày 09 tháng 10 năm 2025 Chức danh Người ký (Chữ ký, đóng dấu)  TỔNG GIÁM ĐỐC CHIANG CHIU CHIUNG				Phú Thọ, ngày 16 tháng 10 năm 2025 Chức danh Người ký (Chữ ký, đóng dấu)  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Lung			
Liên số: 1 ☐ ☐ ☐ ☐							
Ghi chú : (ghi rõ trong tường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

TỈNH/THÀNH PHỐ TỈNH THÁI BÌNH		CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số:/2023/1-2-3-4-5-6.093.VX					
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty CP Đầu tư và Kỹ thuật Tài nguyên Môi trường ETC Số GPMT/Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.093.VX Địa chỉ văn phòng: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288 Địa chỉ cơ sở: Đường D1 (M2+M3), KCN Hòa Xá, phường Lộc Hòa, TP Nam Định, Tỉnh Nam Định ĐT: 02286.288.288							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số GPMT/Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: ĐT: Địa chỉ cơ sở: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP NGŨ KIM FORTRESS VIỆT NAM Số GPMT /Mã số QLCTNH: Địa chỉ văn phòng: Lô B8+B9+B10 đường Trần Thủ Độ, KCN Phúc Khánh, Tp.Thái Bình, T. Thái Bình ĐT: Địa chỉ cơ sở: Lô B8+B9+B10 đường Trần Thủ Độ, KCN Phúc Khánh, Tp.Thái Bình, T. Thái Bình ĐT:							
4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	75	Phá dỡ bóng đèn - chất thải HR
2	Giẻ lau máy nhiễm dầu, bao tay, vải bị nhiễm TPNH	x			18 02 01	180	TĐ- tro xỉ HR
3	Chất thải từ quá trình mài(mạt kim loại, cát...)	x			07 03 08	872	Nghiền - HR
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải mạ điện	x			07 02 01	980	Nghiền - HR
5	Cặn sơn thải	x			08 01 01	856	TĐ- tro xỉ HR
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			x	02 05 01	856	TĐ- tro xỉ HR
7	Que hàn thải	x			07 04 01	89	Nghiền - HR
8	Cặn dầu thải		x		17 02 03	156	TC, cặn TĐ, nước thải HTXLNT
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	680	TĐ- thu hồi PL
10	Bao bì cứng thải bằng vật liệu khác	x			18 01 04	200	TĐ- tro xỉ HR
#Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp)							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa khẩu nhập: Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng: Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 18C- 06142							
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Khương Văn Bá Ký: <i>Đa</i> Ngày: 16/11/2023							
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:							
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Thái Bình, ngày 16 tháng 11 năm 2023  TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Trần Thị Thúy Nguyễn</i> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Nam Định, ngày 15 tháng 11 năm 2023  TỔNG GIÁM ĐỐC <i>Trần Đức Phú</i> (ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)			
@Liên số 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☐ Ghi chú:							

MKH:

TỈNH/ THÀNH PHỐ Phú Thọ				CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số : 01/2024/1-2-3-4-5-6.016.VX			
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: Công ty TNHH Môi Trường Phú Minh Vina				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.016.VX			
Địa chỉ văn phòng: số 115 lô C2, khu nhà ở 3ha, TTTM Thị trấn Đông Anh, Huyện Đông Anh, Hà Nội				Số điện thoại: 0961192626			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Khu xử lý rác thải, xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ							
2. Chủ CS DV XLCTNH 2:				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):			
Địa chỉ văn phòng:							
Địa chỉ cơ sở/ đại lý:							
3. Chủ nguồn thải: Công Ty cổ phần công nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam				Số Giấy phép môi trường/ Mã số QLCTNH (nếu có):			
Địa chỉ văn phòng: Lô B8 + B9+B10 khu Công nghiệp Phúc Khánh , phường Phú Khánh , thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình, Việt Nam				Số điện thoại:			
Địa chỉ cơ sở/ đại lý: Lô B8 + B9+B10 khu Công nghiệp Phúc Khánh , phường Phú Khánh , thành phố Thái Bình , tỉnh Thái Bình, Việt Nam							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bóng đèn huỳnh quang	x			16 01 06	60	XLBĐ
2	Giẻ lau máy nhiễm dầu, bao tay, vải bị nhiễm TPNH	x			18 02 01	100	TĐ
3	Chất thải từ quá trình mài (mạt kim loại, cát,...)	x			07 03 08	860	HR
4	Chất thải từ quá trình xử lý khí thải mạ điện	x			07 02 01	970	HR
5	Cặn sơn thải	x			08 01 01	975	TĐ
6	Bùn thải từ quá trình xử lý nước thải			x	12 06 05	790	TĐ
7	Que hàn thải	x			07 04 01	35	HR
8	Cặn dầu thải	x			17 02 03	70	TĐ
9	Bao bì cứng thải bằng kim loại	x			18 01 02	250	TR
10	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	x			18 01 04	375	TR
* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH : TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hòa); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (oxy hóa); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hóa rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:				Cửa khẩu nhập:			
Số hiệu phương tiện:				Ngày xuất cảng:			
Cửa khẩu xuất:							
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4.				Số hiệu phương tiện vận chuyển : 19H-02734			
7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển : Lê Văn Chuy				Ký : Ch Ngày: 02/12/2024			
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:				Ký :			
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4(hoặc 5)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4			
Thái Bình, ngày 02 tháng 12 năm 2024  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC CHIANG CHIU CHIUNG				Phú Thọ, ngày 09 tháng 12 năm 2024  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Hoàng Thị Kiều Dung			
@Liên số: 1 ☐ ☐ ☐ ☐							
Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

PHỤ LỤC KẾT QUẢ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08277/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.01: Khí thải dây chuyền sơn số 1. Tọa độ: X=20.441360, Y=106.303132
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột C	QCVN 20:2009/ BTNMT Nồng độ tối đa
				KT.01		
1	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09 (LOQ=0,09)	≤ 5 ^a	5
2	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 50 ^a	750
3	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 150 ^a	870
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	1400
5	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	950

Ghi chú:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;
- + Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này;
- + (a) Áp dụng đối với các thiết bị xả thải khác;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

ĐẠI DIỆN CÔNG TY

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

Lê Thị Khánh



GIAM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03 CT/CT 09 - 1 1111 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08278/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.02: Khí thải dây chuyền sơn số 2. Tọa độ: X=20.441395, Y=106.303539
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột C	QCVN 20:2009/ BTNMT Nồng độ tối đa
				KT.02		
1	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09 (LOQ=0,09)	≤ 5 ^a	5
2	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 50 ^a	750
3	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 150 ^a	870
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	1400
5	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	950

Ghi chú:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;
- + Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này;
- + (a) Áp dụng đối với các thiết bị xả thải khác;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử; - (-): Không quy định.

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



ĐẠI DIỆN CÔNG TY

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- HÀNG CHỨNG NHẬN - 1 BÊN - 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08279/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.03: Khí thải dây chuyền sơn số 3. Tọa độ: X=20.441469, Y=106.302881
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột C	QCVN 20:2009/ BTNMT Nồng độ tối đa
				KT.03		
1	Benzen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	<0,09 (LOQ=0,09)	≤ 5 ^a	5
2	Toluen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 50 ^a	750
3	Xylen	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,03)	≤ 150 ^a	870
4	Etylaxetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	1400
5	n-Butyl axetat	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,15)	-	950

Ghi chú:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;
- + Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này;
- + (a) Áp dụng với các thiết bị xả thải khác;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp thử;
- (-): Không quy định.

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- BM03 CT/CT.09 - 1 KH - 01



KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08280/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.04: Khí thải tại ống thoát khí 01 của dây chuyền mạ Tọa độ: X=20.441823, Y=106.305453
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột C	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT.04		
1	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂ ^(***)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	<0,188 (IDL=0,188)	-	-
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	≤ 20 ^a	50
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	≤ 25 ^a	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;
- + Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này; - (a) Áp dụng đối với các thiết bị xả thải khác;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp;
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định; - IDL: Giới hạn phát hiện của thiết bị đo;
- (***) : Thông số không quy định trong thông tư số: 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021, thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;
 2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
 3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;
- RM03 OT/CI.09 - I RH- 01



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08281/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Khí thải
Vị trí quan trắc	KT.05: Khí thải tại ống thoát khí 02 của dây chuyền mạ Tọa độ: X=20.441798, Y=106.305424
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 19:2024/ BTNMT Cột C	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B
				KT.05		
1	Hơi HNO ₃ (các nguồn khác), tính theo NO ₂ (***)	mg/Nm ³	SOP/HT/K.24	<0,188 (IDL=0,188)	-	-
2	HCl	mg/Nm ³	US EPA Method 26A	KPH (MDL=0,07)	≤ 20 ^a	50
3	H ₂ SO ₄	mg/Nm ³	US EPA method 8	KPH (MDL=2)	≤ 25 ^a	50

Ghi chú:

- QCVN 19:2024/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp;
- + Cột C quy định giá trị giới hạn cho phép của thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp của cơ sở xả khí thải công nghiệp có địa điểm hoạt động không thuộc các trường hợp quy định tại Mục 1.3.13.1 và Mục 1.3.13.2 Quy chuẩn này; - (a) Áp dụng với các thiết bị xả thải khác;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + Cột B: Quy định nồng độ C làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với tất cả các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- (-): Không quy định; - IDL: Giới hạn phát hiện của thiết bị đo;
- (***) : Thông số không quy định trong thông tư số: 10/2021/TT-BTNMT ngày 30/06/2021, thực hiện theo yêu cầu của khách hàng.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

ĐẠI DIỆN CÔNG TY



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Nguyễn Minh Quang

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty có phân tích mẫu thử nghiệm.
2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.
3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315



VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 08283/2025/PKQ/25.3412

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, KCN Phúc Khánh, phường Vũ Phúc, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải tại cống xả chung của Công ty Tọa độ: X=20.442627, Y=106.303359
Ngày quan trắc	30/09/2025
Ngày phân tích	30/09/2025 đến 09/10/2025
Ngày trả kết quả	09/10/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,00	5,5 ÷ 9
2	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	KPH (MDL=5)	100
3	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	59	150
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	18	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
6	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	0,68	6
7	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	<9	40
8	Chất hoạt động bề mặt anion ^(*)	mg/L	TCVN 6622-1: 2009	1,5	-
9	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	<0,015	0,1
10	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,13	3
11	Niken (Ni) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,5
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	<2,4	10
13	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	130	5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01





KHÁC BIỆT TẠO NÊN GIÁ TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Bắc Giang, tỉnh Bắc Ninh

Điện thoại: 02046 285 678 Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

Số: 08283/2025/PKQ/25.3412

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt.;
- KPH: Không phát hiện. Kết quả phân tích mẫu thấp hơn Giới hạn phát hiện MDL của phương pháp; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp thử;
- "<": Kết quả nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp;
- (-): Không quy định;
- (*): Thông số đã được công nhận Vilas.

NGƯỜI LẬP

Nguyễn Thị Cẩm Nhung

TRƯỞNG PHÒNG
PHÂN TÍCH

Lê Thị Khánh

Bắc Ninh, ngày 09 tháng 10 năm 2025



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
Nguyễn Minh Quang



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN FEC

Địa chỉ: Số 7, ngõ 71, đường Lương Văn Năm, P. Đình Kế, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang

Điện thoại: 02046 285 678

Email: : moitruong@fec.com.vn

Giấy chứng nhận hoạt động dịch vụ Quan trắc môi trường: VIMCERTS 279

Chứng chỉ công nhận ISO/IEC 17025:2017: VILAS 1315

VILAS 1315

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 04311/2025/PKQ.25.2274

I. THÔNG TIN CHUNG

Tên khách hàng	Công ty Cổ Phần Công Nghiệp Ngũ Kim Fortress Việt Nam
Địa chỉ	Lô B8, B9, B10 - đường Trần Thủ Độ, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình
Địa điểm quan trắc	Nhà máy số 1 tại Lô B8 + B9 + B10, Đường Trần Thủ Độ, KCN Phúc Khánh, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.
Loại mẫu	Nước thải
Vị trí quan trắc	NT.01: Nước thải tại cống xả chung của Công ty Tọa độ: X=20.442643, Y=106.303330
Ngày quan trắc	30/05/2025
Ngày phân tích	30/05/2025 đến 09/06/2025
Ngày trả kết quả	09/06/2025

II. KẾT QUẢ

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT Cột B
				NT.01	
1	pH ^(*)	-	TCVN 6492:2011	7,20	5,5 ÷ 9
2	TSS ^(*)	mg/L	TCVN 6625:2000	35	100
3	COD ^(*)	mg/L	SMEWW 5220C:2023	205	150
4	BOD ₅ (20°C) ^(*)	mg/L	SMEWW 5210B:2023	65	50
5	Amoni (NH ₄ ⁺) (tính theo N) ^(*)	mg/L	TCVN 5988:1995	KPH (MDL=1)	10
6	Tổng Photpho (tính theo P) ^(*)	mg/L	TCVN 6202: 2008	1,21	6
7	Tổng Nito ^(*)	mg/L	TCVN 6638: 2000	KPH (MDL=3)	40
8	Chất hoạt động bề mặt anion ^(*)	mg/L	TCVN 6622-1: 2009	2,8	-
9	Crom (VI)	mg/L	SMEWW 3500-Cr.B:2023	KPH (MDL=0,005)	0,1
10	Kẽm (Zn) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,27	3
11	Niken (Ni) ^(*)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (MDL=0,05)	0,5
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	3,4	10
13	Coliform	MPN/ 100 mL	SMEWW 9221B:2023	35.000	5.000

1. Phiếu kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm do khách hàng gửi tới hoặc nhân viên Công ty cổ phần tập đoàn FEC trực tiếp lấy;

2. Các kết quả ghi trong phiếu này chỉ có giá trị tại thời điểm lấy mẫu hoặc nhận mẫu gửi.

3. Quá thời hạn lưu mẫu, Công ty không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích;

BM03.QT/CL09 - LBH: 01